

Số: 199 /BC-STP

Đồng Nai, ngày 30 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Quyết định quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và biện pháp thi hành Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai

Ngày 15/8/2019, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 4046/STC-NSNN ngày 14/8/2019 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và biện pháp thi hành Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 130 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Công văn đề nghị thẩm định.
2. Dự thảo: Quyết định và Tờ trình.
3. Bảng tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo, bản sao các văn bản góp ý.

Căn cứ Điều 130 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ gửi đề nghị thẩm định đầy đủ theo quy định pháp luật.

II. Nội dung thẩm định

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định

Dự thảo xác định rõ phạm vi điều chỉnh đối với việc quy định mức thu tiền và quản lý, sử dụng khoản tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa từ đất chuyên trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp; thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh. Đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định là các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật

Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

quy định “Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp có nghị quyết về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại địa phương, trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại địa phương theo từng địa bàn theo công thức tính quy định tại Khoản 3 Điều này”;

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quy định “Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tổ chức thu, quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định hiện hành; đồng thời quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện, định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh”;

Căn cứ khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12, khoản 1 và 2 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, việc Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định nêu trên là cần thiết và phù hợp, nhằm khắc phục các hạn chế trong việc chấp hành các quy định pháp luật về giao đất, cho thuê đất và thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện.

3. Về nội dung dự thảo

a) Tại tên gọi của Quyết định, căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC, đề nghị chỉnh sửa phù hợp hơn như sau:

“Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và biện pháp thi hành Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

b) Tại Điều 1, đề nghị tách thành 02 điều và chỉnh sửa phù hợp hơn như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu tiền, thời hạn nộp tiền và quản lý, sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

(ghi lại nội dung theo dự thảo, đồng thời, thay các dấu gạch đầu dòng lần lượt bằng các điểm a, b; bỏ từ “cấp” ngay sau cụm từ “UBND”)

c) Tại Điều 3 về quản lý và sử dụng kinh phí và thời hạn nộp tiền, đề nghị tách thành 02 điều và chỉnh sửa phù hợp hơn như sau:

“Điều 3. Thời hạn nộp tiền

1. Khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được nộp vào Ngân sách tỉnh Đồng Nai và hạch toán vào tài khoản 7111 Chương 560 Tiểu mục 4914.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan tài chính, người nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp 50% tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Thông báo;

3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày tiếp theo, người nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp 50% tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa còn lại theo Thông báo.

Quá thời hạn nêu trên, người nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa chưa nộp đủ khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 4. Quản lý và sử dụng kinh phí

Việc quản lý và sử dụng kinh phí thu tiền và bảo vệ phát triển đất trồng lúa được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Điều 4 Thông tư 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa”.

d) Tại Điều 2, đề nghị chuyển thành Điều 5, đồng thời, lưu ý một số nội dung sau:

- Tại điểm b khoản 1, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp hơn như sau: “Hàng năm phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định”.

- Tại điểm c khoản 4, đề nghị bổ sung cụm từ “(Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)” vào cuối khoản cho thống nhất với Điều 13a Nghị định số 35/2015/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 9 Điều 1 nghị định số 62/2019/NĐ-CP).

- Tại khoản 6, đề nghị bỏ cụm từ “(gọi tắt là người sử dụng đất).

đ) Tại Điều 4, đề nghị bổ cục thành Điều 6 và chỉnh sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật “Ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại

Điều 151 và Điều 152 của Luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo phải dự kiến cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản” như sau:

“Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng... năm 2019 và thay thế Quyết định 51/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và biện pháp thực hiện nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/07/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai”.

e) Đề nghị chuyển Điều 5 thành Điều 7 cho phù hợp sau khi bố cục lại các điều trong dự thảo.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị thực hiện theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

a) Tại phần số, ký hiệu văn bản, đề nghị bổ sung hoàn chỉnh như sau:

“Số: /2019/QĐ-UBND”.

b) Phần địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản được đặt dưới ở giữa, cân đối so với Quốc hiệu và Tiêu ngữ theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

c) Tại phần căn cứ pháp lý ban hành, đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “Căn cứ ban hành văn bản được thể hiện bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ 14, trình bày dưới phần tên của văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm(.)”, đồng thời, trình bày thống nhất cụm từ “ngày... tháng... năm...” thay cho cụm từ “ngày.../.../...”, bổ sung cụm từ “Bộ trưởng” vào ngay trước cụm từ “Bộ Tài chính” cho đầy đủ.

d) Về trình bày bố cục của văn bản, đề nghị thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

đ) Về kỹ thuật viện dẫn văn bản (ví dụ: Nghị định số 62/2019/NĐ-CP), đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

e) Tại phần nơi nhận, đề nghị thay cụm từ “Nhu Điều 3” bằng cụm từ “Nhu Điều 7”, thay cụm từ “Lưu: VT, KT, VX” bằng cụm từ “Lưu: VT, TKNS, KGVX” cho phù hợp; đồng thời, bổ sung các cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật như sau: Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp), Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp.

g) Về đánh số trang văn bản, đề nghị thực hiện theo quy định tại đoạn 3 Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng

chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản”.

5. Đối với dự thảo Tờ trình

Đề nghị thực hiện theo mẫu số 03 phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Trên cơ sở nội dung ý kiến tại dự thảo Quyết định, đề nghị cơ quan soạn thảo xây dựng và hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành.

III. Kết luận

Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung, Sở Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

Dự thảo Quyết định quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và biện pháp thi hành Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các ý kiến không tiếp thu phải được giải trình rõ lý do.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định quy định thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và biện pháp thi hành Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - VP. UBND tỉnh (p/h);
 - Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
 - Trang TTĐT Sở;
 - Lưu: VT, XDPBPL.
- (Khôi – TD2019)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Triết Như Vũ